

一

yī

二

èr

三

sān

四

sì

五

wǔ

六

liù

七

qī

八

bā

九

jǐu

十

shí

零

líng

你

nǐ

好

hǎo

美

měi

国

guó

中

zhōng

人	我	他	们
rén	wǒ	tā	men
是	朋友	吗	不
shì	péngyou	ma	bú
要	谢谢	那	什么
yaò	xiè xiè	nà	shén me
-的	书	再见	从
de	shū	zài jiàn	cóng

厕所
cèsuō

您贵姓
Nín guì
xìng?

请问
qǐng wèn

哪儿
nǎr

说
shuō

话
huà

会
huì

本
běn

谁
shéi

哪儿
nǎr?

两
liǎng

家
jīa

来
lái

上课
shàng kè

请坐
qǐng zuò

4 tones
1. flat mā
2. rise má
3. dip mǎ
4. fall mà

四

sì

four

三

sān
three

二

èr

two

一

yī

one

bā

八

eight

七

qī
seven

liù

六

six

五

wǔ

five

你

nǐ

you

零

líng

zero

shí

十

ten

jǐu

九

nine

中

zhōng
middle

国

guó
country

美

měi
beautiful

好

hǎo
good, well

哪儿
nǎr
where

请问
qǐng wèn
May I
ask?

您贵姓
Nín guì
xìng?
Your hon.
surname?

厕所
cèsuō
bathroom

běn
本
of books

huì
会
able

话
huà
language

说
shuō
speak

家
jīa
family/
home

liǎng
两
a couple

哪儿
nǎr?
where

谁
shéi
who

Pronouns
Think Juanita
Wǒ I, me
Nǐ you
Tā he,she

请坐
qǐng zuò
Please sit!

上课
shàng kè
start class

来
lái
come,
bring

们	他/她/ 它 tā he, she or it	我	人
men		wǒ	rén
plural		I, me	person

不	吗	朋友	是
bú	ma	péngyou	shì
no, not	?	friend	am, are or is

什么	那	谢谢	yaò
shén me	nà	xiè xiè	要
what	that	Thanks!	want

从	再见	书	-的
cóng	zài jiàn	shū	de
from	Again See!	book	possessive